TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST
Ngày: 16-9-2022
V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Cao Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 16/TB-TA, ngày 10 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1959
Địa chỉ: Số nhà B, H, Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện hợp pháp của bà M: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, sinh năm 1982
Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn H; chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H trình bày*:*

Trong năm 2019, bà M có cho chị Nguyễn Nguyệt T N vay số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 05/10/2019 vay 2.300.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng.
- Ngày 05/11/2019 vay 8.400.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng.
- Ngày 13/11/2019 vay 9.500.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng.

Việc vay tiền có làm biên nhận. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và không có thế chấp tài sản. Mục đích chị N vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng và bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu. Sau khi vay tiền, chị N có đóng lãi đến tháng 01/2020 tổng cộng của 03 biên nhận được số tiền 2.176.000.000đ rồi ngưng cho đến nay không trả vốn và không đóng lãi cho bà M.

Đến tháng 5/2020, bà M nhiều lần yêu cầu chị N trả tiền nhưng chị N không có khả năng trả và đề nghị với bà M cho chị N trả vốn, vì thấy chị N không có khả năng trả nợ nên bà M đồng ý không tính tiền lãi còn thiếu từ tháng 02/2020 và không yêu cầu tính lãi cho đến khi chị N trả xong vốn. Do đó, chị N và bà M đã thống nhất hủy bỏ 03 tờ giấy mượn nợ (có ghi tiền lãi) và bà M yêu cầu chị N viết lại 03 biên nhận thiếu lại tiền vốn của 03 lần vay trên như sau:

- Biên nhận ngày 05/5/2020 ghi nội dung chị N thiếu bà M số tiền 2.300.000.000 đồng.

- Biên nhận ngày 05/5/2020 ghi nội dung chị N thiếu bà M số tiền 8.400.000.000 đồng.

- Biên nhận ngày 13/5/2020 ghi nội dung chị N thiếu bà M số tiền 9.500.000.000 đồng.

Số tiền vốn trên chị N hứa đến tháng 9/2020 sẽ trả cho bà M, nhưng đến nay chị N vẫn chưa trả tiền cho bà M. Ba biên nhận trên không thể hiện lãi suất.

Tại phiên tòa, bà M đồng ý cấn trừ tiền lãi chị N đã đóng là 2.176.000.000đ trừ tiền lãi phải đóng theo quy định là 376.820.000đ còn lại là 1.799.180.000đ. Số tiền lãi đã đóng vượt là 1.799.180.000đ bà M đồng ý cấn trừ vào số tiền vốn vay 20.200.000.000đ, do đó số tiền vay còn lại là 18.400.820.000đ.

Nay bà M yêu cầu chị N trả lại cho bà M số tiền vốn vay tổng cộng của 03 biên nhận vay là 18.400.820.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 16/9/2022 là 23 tháng 15 ngày, với lãi suất là 0.83%/tháng. Cụ thể: 18.400.820.000đ x 0,83% x 23 tháng 15 ngày = 3.589.079.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 21.989.899.000đ. Bà M không yêu cầu ai liên đới với chị N trả tiền cho bà M.

Về chi phí giám định số tiền là 13.290.000đ, bà M yêu cầu chị N chịu toàn bộ.

Ngoài ra, bà M không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến:

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ (niêm yết công khai) Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng chị N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho chị N nhiều lần nhưng chị N vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được văn bản ngày 28/5/2022 đề tên Nguyễn Nguyệt Tuyết N, trong đó có thể hiện nội dung không thừa nhận, không quen biết, không mượn tiền và vay tiền của ai tên Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1959, ngụ: 222, H, Khóm A, Phường A, thành phố S. Đồng thời, trong văn bản này còn thể hiện nội dung đề nghị Thẩm phán giải thích rõ vì sao biên nhận mượn tiền không có chữ ký của người cho mượn tiền là bà Phạm Thị Thanh M ký tên. Chữ ký, chữ viết trong biên nhận có phải của chị N không.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự (nguyên đơn) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị Thanh M. Buộc chị Nguyễn Nguyệt T N trả cho bà M số tiền vốn vay và tiền lãi theo quy định.

Về án phí và chi phí tố tụng khác đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn

cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M yêu cầu chị N trả lại cho bà M số tiền vốn vay tổng cộng của biên nhận vay là 18.400.820.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 16/9/2022 là 20 tháng 15 ngày, với lãi suất là 0.83%/tháng, thành tiền 3.589.079.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 21.989.899.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tiền vốn vay:

Căn cứ vào biên nhận ngày 05/5/2020 thể hiện nội dung chị N thiếu bà M số tiền 2.300.000.000đ, biên nhận ngày 05/5/2020 thể hiện nội dung chị N thiếu bà M số tiền 8.400.000.000đ, biên nhận ngày 13/5/2020 thể hiện nội dung chị N thiếu bà M số tiền 9.500.000.000đ, trên 03 biên nhận không thể hiện lãi suất vay, thời hạn vay, mục đích vay.

Qua xác minh thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện chị N hiện tại vẫn có mặt, sinh sống tại địa chỉ số D, khóm T, phường T, thành phố S. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho chị N, phía chị N mặc dù biết bà M khởi kiện, tuy nhiên chị N không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ đó cho thấy chị N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Đối với ý kiến tại văn bản đề tên Nguyễn Nguyệt T Ngân ngày 28/5/2022, trong đó có thể hiện nội dung không thừa nhận, không quen biết, không mượn tiền và vay tiền của ai tên Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1959, ngụ: 222, H, Khóm A, Phường A, thành phố S. Chữ ký, chữ viết trong biên nhận có phải của chị N không. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, bởi lẽ không xác định được người gửi văn bản là ai, chữ ký, chữ viết và nội dung trên văn bản là của ai. Trường hợp, văn bản trên của chị N thì Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ rất nhiều lần chị N lại không đến Tòa để trình bày ý kiến, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Mặt khác, theo kết luận giám định số 657/KL-KTHS ngày 03/8/2022 của Phòng K, Công an tỉnh Đ xác định chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Nguyệt Tuyết N trên 03 tờ biên nhận ngày 05/5/2020, ngày 05/5/2020 và ngày 13/5/2020 so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh là do cũng một người viết ra. Sau khi có kết quả giám định Tòa án cũng đã thông báo cho chị N biết, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn vắng mặt, không có văn bản ý kiến, không cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ gì để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 2 Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

"2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác định chị N vay của bà M số tiền tổng cộng là 20.200.000.000đ theo ba tờ biên nhận ngày 05/5/2020, ngày 05/5/2020 và ngày 13/5/2020 là có thật. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định, đồng ý cấn trừ tiền lãi đã đóng vượt vào tiền vốn vay và yêu cầu chị N trả số tiền vốn vay 18.400.820.000 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi:

Trong các biên nhận mượn tiền thì không có ghi lãi suất vay nhưng bà M xác định từ khi vay chị N có đóng lãi cho bà M được số tiền là tổng cộng là 2.176.000.000đ. Sau khi trừ đi tiền lãi phải đóng theo quy định là 376.820.000đ còn lại 1.799.180.000đ. Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi vay từ ngày 01/10/2020 đến ngày 16/9/2022, đối với số tiền vốn vay là 18.400.820.000đ theo mức lãi suất là 0,83%/tháng xét sự tự nguyện này phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi của số tiền vốn vay 18.400.820.000đ, tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 16/9/2022, được tính như sau: 18.400.820.000đ x 0,83% x 23 tháng 15 ngày = 3.589.079.000đ .

Như vậy, từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N trả cho bà Phạm Thị Thanh M số tiền vốn vay là 18.400.820.000đ và tiền lãi là 3.589.079.000đ Tổng cộng vốn, lãi là 21.989.899.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- [4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định số tiền là 129.989.899đ (tính tròn số là 129.990.000đ).

[4.2] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị N phải chịu chi phí giám định số tiền là 13.290.000đ (Mười ba triệu năm hai trăm chín mươi ngàn đồng).

[5] Đối với ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M về việc bà M yêu cầu chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N trả số tiền vốn, lãi là 21.989.899.000đ.

Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N trả cho bà Phạm Thị Thanh M số tiền vốn vay là 18.400.820.000đ và tiền lãi là 3.589.079.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 21.989.899.000đ (Hai mươi mốt tỷ chín trăm tám mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 129.990.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

- Bà Phạm Thị Thanh M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm theo quy định.

2.2. Về chi phí tố tụng khác:

Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải nộp chi phí giám định số tiền là 13.290.000đ (Mười ba triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒÀ

Nguyễn Thị Phấn